

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HSST
Ngày 14-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trọng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Cao Thị Hồng Châu: Cán bộ hưu trí huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

2/ Bà Trần Thị Thanh Thắm: Hiệu trưởng trường Tiểu học Trần Phú, Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Ấn - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2018/TLST-HS, ngày 18 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị T**, Tên gọi khác: N, sinh năm 1976, tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn X, xã Y, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Lê Thị M (đã chết); có chồng là Nguyễn Duy T và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1981 và ông Trần Văn Q, sinh năm 1971 (có mặt)

- Ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1960 (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn X, xã Y, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Đình P, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2000 (có mặt)
 - Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1971(có mặt)
- Cùng trú tại: Thôn X, xã Y, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 02 năm 2018 Lê Thị T, sinh năm 1976, thường trú tại Thôn X, xã Y, huyện C, tỉnh Đắk Lắk gọi điện thoại cho con trai là Nguyễn Duy K, sinh năm 1995 ra lô cao su trông đàn bò của gia đình để T về nhà ăn cơm. Trên đường đi bộ về nhà T thấy nhà của ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1960, trú tại Thôn X, xã Y, huyện C, tỉnh Đắk Lắk đang khóa cửa và cổng, nhưng không có người trông nhà, nên T đã nảy sinh ý định đột nhập để trộm cắp tài sản. T đã đi bộ vào bếp nhà ông Tr, lấy một cây kéo bằng kim loại dài khoảng 12 cm ở trên đầu tủ bếp, rồi sử dụng để cạy chốt cửa lên phòng khách. Sau khi vào phòng khách T đã lục tìm và lấy được trong tủ gỗ số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng), gồm 07 tờ tiền polime Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng). Sau khi lấy được tiền thì T đi bộ xuống lại nhà bếp, thì nhìn thấy một con dao chặt bằng kim loại màu đen, dài khoảng 40cm, rộng 06cm để trên bàn nên T đã lấy con dao cầm theo để làm công cụ tiếp tục phạm tội.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T tiếp tục đi bộ sang nhà ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1979 là hàng xóm của ông Tr để tiếp tục trộm cắp tài sản. T đã sử dụng cây kéo và con dao lấy được trước đó ở nhà ông Tr đập bể kính và mở cửa đột nhập vào nhà ông B. Sau khi vào trong nhà T đã lục tung đồ đạc để tìm kiếm tài sản, nhưng không lấy được tài sản gì.

Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, T rời nhà ông B và tiếp tục đi bộ sang nhà bà Hoàng Thị S, sinh năm 1981, thường trú tại Thôn X, xã Y, huyện C, tỉnh Đắk Lắk thì thấy cửa nhà không khóa, nên T đã cởi mũ len, quần, áo bên ngoài để ngoài vườn rồi đột nhập vào trong nhà. Khi vào phòng ngủ của vợ chồng bà S thì T phát hiện một két sắt để trong góc phòng ngủ, nên đã lục tìm chìa khóa, mở két và lấy được số tiền 9.410.000 đồng (chín triệu bốn trăm mười ngàn đồng), gồm 98 tờ tiền polime Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi ngàn đồng); 24 tờ tiền polime Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng); 101 tờ tiền polime Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng) được để trong một bọc nilon. Sau khi lấy được tiền thì T cuộn tròn tiền lại cầm trên tay trái rồi đi nhanh ra khỏi nhà thì bị cháu Trần Đình P, sinh năm 2000 (là con trai ruột của bà S) phát hiện, truy đuổi ra vườn cà phê bên hông nhà. P đã ôm giữ T, rồi giăng co, cào cấu vào mặt T. Trong lúc giăng co T đã cắn vào đùi P, làm P bị đau nên đã buông T ra, T vùng dậy bỏ chạy về nhà. Cháu P đã tri hô mọi người và báo lực lượng công an truy tìm và phát hiện T đang ở nhà.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nhà ở của T, phát hiện và thu giữ số tiền 12.910.000 đồng (mười hai triệu chín

trăm mười ngàn đồng), gồm: 07 tờ tiền polime Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng); 24 tờ tiền polime Việt Nam mệnh giá 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng). 101 tờ tiền polime Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng); 98 tờ tiền polime Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng (hai mươi ngàn đồng) được cất dấu ở dưới gối trên giường đặt trong phòng ngủ của T. Phát hiện và thu giữ 01 quần dài nữ bằng vải thun, màu đen, ống quần bị rách, nhiều chỗ dính đất bẩn; 01 áo thun nữ dài tay, cổ lọ, màu đen pha chấm tròn màu trắng; 01 áo khoác nữ dài tay, màu đen, trước ngực trái của áo có thêu chữ THE NORTH FACE, vải lót bên trong áo màu hồng, bên ngoài áo dính đất bẩn, tất cả đang để trong máy giặt tại nhà của Lê Thị T.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT – VKS ngày 15 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “**Trộm cắp tài sản**”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Thị T như nội dung cáo trạng và đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T mức án từ **02 năm đến 02 năm 06 tháng tù**

- Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CưM'gar ra Quyết định xử lý vật chứng số 24 trả lại số tiền 9.410.000 đồng (chín triệu bốn trăm mười ngàn đồng) cho bà Hoàng Thị S và trả lại số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng) cho ông Nguyễn Xuân Tr, là các chủ sở hữu hợp pháp, vì việc trả lại các tài sản trên không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án.

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 quần dài nữ bằng vải thun, màu đen, ống quần bị rách, nhiều chỗ dính đất bẩn; 01 áo thun nữ dài tay, cổ lọ, màu đen pha chấm tròn màu trắng; 01 áo khoác nữ dài tay, màu đen, trước ngực trái của áo có thêu chữ THE NORTH FACE, vải lót bên trong áo màu hồng, mà bị cáo Lê Thị T đã sử dụng vào mục đích phạm tội vì không còn giá trị sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Lê Thị T và gia đình đã bồi thường cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng) và bồi thường cho gia đình bà Hoàng Thị S số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại ông Trần Văn Q và Hoàng Thị S có ý kiến tranh luận: Vợ chồng ông bà để số tiền trong két sắt 48.000.000 đồng, bị cáo lấy trộm mất số

tiền là 47.400.000 đồng, còn để lại trong bọc túi ni lông là 600.000 đồng. Trong quá trình điều tra vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Cư M'gar đã trả lại gia đình ông bà số tiền 9.410.000 đồng, vì vậy tại phiên tòa ông bà yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền còn lại là 37.990.000 đồng. Còn về phần hình phạt ông bà không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa vợ chồng bà S và ông Q cho rằng số tiền bị mất là 47.600.000 đồng và yêu cầu bị cáo phải bồi thường, tuy nhiên ngay sau khi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp thì bị phát hiện và Cơ quan cảnh sát điều tra đã khám xét nơi ở của bị cáo nhưng chỉ thu giữ được số tiền 12.910.000 đồng. Trong đó xác định có 3.500.000 đồng là của gia đình ông Tr, số tiền còn lại 9.410.000 đồng được xác định là của gia đình bà S ông Q là phù hợp. Vì vậy bà S, ông Q yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 47.600.000 đồng, trừ đi số tiền bà S, ông Q đã nhận là 9.410.000 đồng, còn lại phải hoàn trả tiếp số tiền là 37.990.000 đồng là không có căn cứ.

Người bị hại và những người liên quan khác nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến đối đáp tranh luận gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của **người bị hại, người liên quan** và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 02 tháng 02 năm 2018, bị cáo Lê Thị T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn Thôn X, xã Y, huyện C, cụ thể: bị cáo đã trộm cắp số tiền 3.500.000 đồng của ông Nguyễn Xuân Tr và trộm cắp số tiền 9.410.000 đồng của bà Hoàng Thị S. Ngoài ra bị cáo còn có hành vi đột nhập vào nhà ông B tìm kiếm tài sản trộm cắp nhưng không lấy được tài sản gì. Sau khi trộm cắp tài sản của nhà bà S bị cáo đã bị cháu Trần Đình P phát hiện, truy đuổi, giằng co với bị cáo. Trong lúc giằng co với P bị cáo đã cắn vào đùi P rồi vùng dậy bỏ chạy. Hành vi trên đây của bị cáo Lê Thị T đã phạm vào tội

“Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản điểm đ khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“ 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)...

đ) Hành hung để tẩu thoát;”

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức, bị cáo biết rằng tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật sẽ bị xử phạt nghiêm khắc. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, với bản chất tham lam, lười lao động nhưng thích hưởng thụ trên mồ hôi, công sức của người khác nên bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 12.910.000 đồng, ngoài ra bị cáo còn có hành vi đập bể kính, đột nhập vào nhà ông B, tìm kiếm tài sản để trộm cắp nhưng không lấy được tài sản gì. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà bà S thì bị cháu P phát hiện do muốn tẩu thoát nên bị cáo đã có hành vi cầm vào đuôi cháu P để chạy thoát, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt “hành hung để tẩu thoát”. Ngoài ra, bị cáo thực hiện 2 vụ trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, bị cáo sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị cáo có bố là ông Lê Văn C là thương binh trong thời kỳ chống Pháp, hạng 3, tỷ lệ 41%. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm **b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự** nên Hội đồng xét xử cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Với tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới phát huy được tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Công an huyện Cư M’Gar đã thu giữ và trả lại số tiền 9.410.000 đồng cho gia đình bà Hoàng Thị S và trả lại số tiền 3.500.000 đồng cho ông Nguyễn Xuân Tr là các chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy việc trao trả trên là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 01 quần dài nữ bằng vải thun, màu đen, ống quần bị rách, nhiều chỗ dính đất bẩn; 01 áo thun nữ dài tay, cổ lọ, màu đen pha chấm tròn màu trắng; 01 áo khoác nữ dài tay, màu đen, trước ngực trái của áo có thêu chữ THE NORTH FACE, vải lót bên trong áo màu hồng, bên ngoài áo dính đất bẩn là vật chứng vụ án nhưng không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với vật chứng của vụ án là một con dao chặt bằng kim loại màu đen, dài khoảng 40cm, rộng 06cm và một cây kéo bằng kim loại dài khoảng 12 cm mà bị cáo Lê Thị T đã sử dụng vào mục đích phạm tội, sau đó đã vứt bỏ trên đường chạy về nhà, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư M'gar đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong khi phát hiện và bắt giữ bị cáo T thì cháu Trần Đình P bị xây sát nhẹ khi xô xát với bị cáo T, P không đi điều trị và không yêu cầu xử lý về hành vi của T nên không xử lý là phù hợp.

Ông Nguyễn Xuân B bị Lê Thị T đột nhập vào nhà đập cửa kính và lấy 01 con heo đất và không có tiền trong heo. Thiệt hại về tài sản không đáng kể, ông B không yêu cầu bồi thường nên Tòa án không đề cập, xử lý là phù hợp.

Sau khi vụ án xảy ra bị cáo Lê Thị T và gia đình đã bồi thường cho ông Nguyễn Xuân Tr số tiền 800.000 đồng và bồi thường cho gia đình bà Hoàng Thị S số tiền 3.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Xét việc thỏa thuận bồi thường giữa các bên là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Đối với yêu cầu của vợ chồng ông Trần Văn Q, bà Hoàng Thị S yêu cầu buộc bị cáo hoàn trả số tiền đã trộm cắp là 47. 400.000 đồng, trừ đi số tiền đã được nhận lại là 9.410.000 đồng, còn lại phải bồi thường tiếp là 37.990.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thì cháu Trần Đình P xác nhận khi phát hiện và truy đuổi và giằng co với bị cáo thì cháu P chỉ nhìn thấy bị cáo cầm 01 cọc tiền trong lòng bàn tay, tiền được cuộn tròn, phù hợp với số tiền đã thu giữ tại nơi ở của bị cáo, vì vậy không đủ cơ sở để chứng minh bị cáo đã lấy số tiền mà người bị hại đề nghị nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận số tiền 9.410.000 đồng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư M'Gar đã thu giữ và trả lại cho ông Q và bà S.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Người bị hại ông Q và bà S yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền là 37.990.000 đồng, do yêu cầu không được chấp nhận nên ông Q và bà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị T** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015

- Xử phạt bị cáo Lê Thị T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 9.410.000 đồng cho gia đình bà Hoàng Thị S và trả lại số tiền 3.500.000 đồng cho gia đình ông Nguyễn Xuân Tr là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu tiêu huỷ 01 quần dài nữ bằng vải thun, màu đen, ống quần bị rách, nhiều chỗ dính đất bẩn; 01 áo thun nữ dài tay, cổ lọ, màu đen pha chấm tròn màu trắng; 01 áo khoác nữ dài tay, màu đen, trước ngực trái của áo có thêu chữ THE NORTH FACE, vải lót bên trong áo màu hồng, bên ngoài áo dính đất bẩn.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận việc bị cáo Lê Thị T và gia đình đã bồi thường cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 800.000 đồng và bồi thường cho gia đình bà Hoàng Thị S số tiền 3.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn Q và bà Hoàng Thị S về việc yêu cầu bị cáo tiếp tục hoàn trả số tiền 37.990.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Thị T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bị hại ông Trần Văn Q và bà Hoàng Thị S phải nộp 1.899.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, **người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk ;
- Vụ giám đốc kiểm tra I;
- CA huyện; VKS huyện CưM'gar;
- T.H.A Dân sự; T.H.A Hình sự ;
- Bị cáo; Bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ; lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trọng Phụng